

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-10-2018
“*V/v Không công nhận vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Phong;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Điều Nhót

Ông Hoàng Minh Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:***
Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2017/HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông. Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Đình H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 mà không đăng ký kết hôn. Khi đến với nhau hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, tuy nhiên do thời điểm đó do hai bên gia đình gần nhau nên anh chị nghĩ không cần thiết phải đăng ký kết hôn, hơn nữa do

hai bên không am hiểu pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh H và chị C có với nhau 03 con chung là Phạm Đình B, sinh năm 1996; Phạm Thị Phương N, sinh ngày 19/11/2003 và Phạm Đình Phi H, sinh ngày 14/3/2006.

Trong quá trình chung sống anh H và chị C sống hạnh phúc với nhau được một thời gian khoảng 18 năm thì 06 năm trở lại đây anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được. Hiện tại anh H và chị C đã ly thân khoảng 05 đến 06 năm nay, anh xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với chị C được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh với chị C là vợ chồng.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện anh H xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Thị Phương N, sinh ngày 19/11/2003 và Phạm Đình Phi H, sinh ngày 14/3/2006 đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên quá trình giải quyết anh H đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị C thừa nhận lời trình bày của anh H về việc anh chị sống chung như vợ chồng và vấn đề con chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Chị C xác định không còn tình cảm với anh H và không thể tiếp tục chung sống với anh H nữa nên chị nhất trí với quan điểm của anh H về quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 anh Phạm Đình H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không ai có yêu cầu gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu không công nhận anh H và chị C là vợ chồng. Về

con chung quá trình giải quyết vụ án anh H đã rút yêu cầu nên đề nghị HĐXX đình chỉ về phân giải quyết con chung.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: bản sao giấy khai sinh của con; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) đây là tình tiết, sự kiện các bên đương sự đã thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn anh Hà khởi kiện chị Cương về tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX xét thấy, anh Phạm Đình H và chị Nguyễn Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị C, vì vậy HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đình H tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh H và chị C là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Theo đơn khởi kiện anh Hà xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Thị Phương N, sinh ngày 19/11/2003 và Phạm Đình Phi H, sinh ngày 14/3/2006 đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên quá trình giải quyết anh H đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Đình H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 219; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11; Điều 87

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đình H

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Phạm Đình H và chị Nguyễn Thị C là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nuôi con. Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Phạm Đình H phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Hà đã nộp theo biên lai số 0000369 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phong